

Số: 13 /2025/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 356/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định mức chi và thời gian hưởng chế độ hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 207/BC-BPC ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân

các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lào Cai quy định tại Điều 4 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

b) Đối với các nội dung không được quy định cụ thể trong Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân trên địa bàn tỉnh Lào Cai được giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, sử dụng theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau của cùng một nội dung chi thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất. Danh sách chi được thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các khoản chi phát sinh theo thực tế nhưng chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

4. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bầu cử quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quy định mức chi và thời gian được hưởng kinh phí hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị			
a	Chi tổ chức hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết		Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai	
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
			tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và mức chi hỗ trợ thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh.	
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
a	Các cuộc họp của ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc các cấp; tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử tỉnh			
-	Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	500.000	450.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	200.000	180.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	100.000	90.000
b	Các cuộc họp của Ban bầu cử; các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	300.000	270.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	200.000	180.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	100.000	90.000
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử			
a	Chi công tác phí		Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai	
b	Trưởng đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	300.000	270.000
c	Thành viên chính thức đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	200.000	180.000
d	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn giám sát			
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	150.000	130.000
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, ...)	Đồng/người/ngày	100.000	90.000
đ	Chi xây dựng báo cáo kết quả Kiểm tra giám sát			
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	Đồng/báo cáo	4.500.000	4.000.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia	Đồng/báo cáo	6.200.000	5.600.000
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	Đồng/lần (không quá 3 lần)	270.000	240.000
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	Đồng/báo cáo	900.000	800.000
4	Chi xây dựng văn bản			
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định mức phân bổ kinh phí, mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai	
b	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản 4 Điều 4 Thông tư số 87/2025/TT-BTC liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh do các tổ chức phụ trách bầu cử ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong toàn tỉnh)			
-	Chi xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	Đồng/văn bản	2.700.000	
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	Đồng/người/lần (không quá 3 lần)	270.000	
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp làm công tác bầu cử		Thời gian tối đa không quá 4 tháng	Thời gian tối đa không quá 3 tháng
a	Bồi dưỡng các đối tượng theo mức khoán			
-	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh	Đồng/người/tháng	2.900.000	2.600.000
-	Các thành viên Ủy ban bầu cử; thành viên tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh	Đồng/người/tháng	2.600.000	
-	Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử tỉnh	Đồng/người/tháng	2.400.000	
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử			
-	Các đối tượng có thời gian huy động không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra,	Đồng/người/ngày	180.000	160.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)			
-	Các đối tượng có thời gian huy động trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đồng/người/tháng	2.700.000	2.400.000
c	Mức chi cho các đối tượng vào 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	Đồng/người/ngày	270.000	240.000
6	Chi hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ đợt bầu cử theo mức khoán			
-	Trưởng, phó trưởng ban chỉ đạo; Chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban bầu cử; trưởng tiểu ban, phó trưởng tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử tỉnh	Đồng/người/tháng	450.000	400.000
-	Các thành viên còn lại của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó các tiểu ban, các Ban bầu cử; thành viên tổ giúp việc	Đồng/người/tháng	200.000	100.000
-	Các thành viên còn lại của các Tiểu ban, các Ban bầu cử.	Đồng/người/tháng	100.000	70.000
-	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, tính từ thời điểm các tổ chức phục vụ bầu cử được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đến khi các tổ chức phục vụ bầu cử kết thúc nhiệm vụ.		Tối đa không quá 4 tháng	Tối đa không quá 3 tháng
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo về bầu cử			
a	Người được giao trực tiếp công dân	Đồng/người/buổi	150.000	135.000
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	Đồng/người/buổi	100.000	90.000
c	Người phục vụ gián tiếp, tiếp công dân	Đồng/người/buổi	50.000	45.000
8	Chi đóng hòm phiếu	Đồng/hòm phiếu	500.000	500.000
9	Chi khắc dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	Đồng/dấu	400.000	400.000
10	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử	Đồng/bảng	1.350.000	1.350.000
11	Các nội dung chi khác:			
a	Chi công tác tuyên truyền, in ấn	Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, giao nhiệm vụ		
b	Các nội dung chi khác	Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lào Cai do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì các nội dung dẫn chiếu được áp dụng theo văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CVPC.

CHỦ TỊCH



Trịnh Việt Hùng